

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị O, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 7, ấp Đ, xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 7, ấp Đ, xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà O có mặt. Bị đơn ông P xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị O trình bày:***

Bà Trương Thị O và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/02/2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, bà O

làm đơn ly hôn với ông P.

Quá trình chung sống, bà O và ông P có hai con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 03/5/2004 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/3/2012. Bà O yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con.

Bà O không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà O giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện 01 giấy chứng minh nhân dân nguyên đơn (bản photo có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu thường trú của nguyên đơn (bản photo có chứng thực); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh của con (bản sao); 01 bản tự khai của nguyên đơn (bản chính); 01 đơn yêu cầu hỗ trợ giao chứng cứ của nguyên đơn (bản chính); 01 đơn yêu cầu từ chối hoà giải tại Trung tâm Hòa giải – Đối thoại tại Tòa án (bản chính).

Ngoài ra, bà O không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:*

Ông P thống nhất với bà O về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà O và các con đã bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O vì ông còn thương vợ thương con, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 03/5/2004 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/3/2012 vì ông có nhà riêng, có công việc và thu nhập ổn định tại Công ty H và có khai thác vườn cao su của gia đình, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án hai con chung trình bày:*

- Ý kiến cháu Nguyễn Thị Thanh T: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà O.

- Ý kiến cháu Nguyễn Thanh C: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà O.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà O có mặt, bị đơn ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao hai con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông P thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà O có mặt, bị đơn ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà O khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông P, kết quả xác minh xác định bị đơn ông P có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp Đ, xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 08/4/2019, nguyên đơn bà O khởi kiện ly hôn đối với bị đơn ông P với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/con cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà O thay đổi yêu cầu khởi kiện, tự nguyện không yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O là tự nguyện và phù hợp với quy định quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà O và ông P tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/02/2004. Hôn nhân giữa bà O và ông P là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn bà O xác định quá trình chung sống bà O và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O xin được ly hôn với ông P. Ông P không đồng ý ly hôn với bà O vì con thương vợ, thương con. Tòa án đã tiến hành xác minh, tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú và mẹ ruột của bà O về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O và ông P, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương thì bà O và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P thường xuyên uống rượu, bà O đánh bài, hai vợ chồng hay xảy ra cãi vã, địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà O và ông P không còn chung sống với nhau từ năm

2018 cho đến nay. Nội dung xác minh phù hợp với lời khai của ông P về mâu thuẫn gia đình. Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông P xin vắng mặt cho thấy ông P không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà O và bị đơn ông P có hai con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 03/5/2004 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/3/2012. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P không đồng ý, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Về thu nhập cả bà O và ông P đều có công việc và thu nhập ổn định, các con chung đều có ý kiến muốn chung sống với mẹ, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà O tại, nên để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên và phù hợp với nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà O không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà O không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị O đối với ông Nguyễn Thanh P về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị O được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Bà Trương Thị O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thanh C, sinh ngày 03/5/2004 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/3/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị O không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031482 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/8/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Tuyên